

Số: /KH-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng 8 năm 2026

KẾ HOẠCH

Nâng cao năng lực cấp nước và phát triển, hoàn thiện mạng lưới cấp nước đô thị, khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026-2030

I. Căn cứ xây dựng Kế hoạch

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP; Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27/12/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 2502/QĐ-TTg ngày 22/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 28/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, bảo đảm cấp nước an toàn, liên tục;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ I nhiệm kỳ 2025-2030 (số 01-NQ/ĐH ngày 23/9/2025);

Căn cứ Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch nâng cao năng lực cấp nước và phát triển, hoàn thiện mạng lưới cấp nước đô thị, khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026-2030 như sau:

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung

Định hướng phát triển cấp nước đô thị và công nghiệp đảm bảo nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân, doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tại khu vực đô thị người dân sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, định hướng mở rộng hệ thống cấp nước tập trung cho khu vực nông thôn lân cận đô thị.

Xác định các giải pháp cụ thể ứng phó biến đổi khí hậu nhằm cấp nước ổn định, chất lượng bảo đảm, dịch vụ tốt đáp ứng cho các nhu cầu sử dụng nước theo từng giai đoạn.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2030 tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn theo quy định tại đô thị là 100%.
- Tại các đô thị, tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt từ 98% trở lên.
- 100% khu công nghiệp đang hoạt động được cung cấp nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung.
- Tỷ lệ thất thoát, hao hụt nước sạch tại khu vực đô thị tối đa là 14%; tỷ lệ thất thoát, hao hụt tối đa cho khu vực công nghiệp là 10%.
- 100% đơn vị cấp nước xây dựng, thực hiện và định kỳ rà soát, cập nhật Kế hoạch cấp nước an toàn theo quy định; trong đó xác định phương án dự phòng nguồn nước, phương án cấp điện dự phòng và các giải pháp ứng phó sự cố nhằm bảo đảm cấp nước liên tục, an toàn.

III. Định hướng, quan điểm phát triển

- Ưu tiên phát triển hệ thống cấp nước tập trung; phát triển cấp nước liên vùng, công suất lớn; mạng lưới cấp nước có tính liên kết, đảm bảo an toàn cấp nước và phân bổ công suất hợp lý giữa các khu vực.
- Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên nước, giảm tối đa thất thoát nước.
- Ưu tiên công nghệ hiện đại, tiên tiến, thân thiện môi trường trong sản xuất và cung cấp nước sạch.
- Định hướng hiện đại hóa nhà máy, mạng lưới và dịch vụ cấp nước; áp dụng số hóa trong quản lý, vận hành, khai thác, kinh doanh nước sạch.
- Tăng tính kết nối giữa khu vực đô thị và nông thôn lân cận, định hướng thực hiện cấp nước cho khu vực nông thôn từ các nhà máy nước tập trung công suất lớn trong địa giới hành chính hoặc liên xã tùy thuộc vào điều kiện cụ thể về địa hình, giao thông và phân bố dân cư.
- Hạn chế đầu tư công trình nhỏ lẻ, phân tán, mô hình quản lý không chuyên nghiệp tại khu vực đô thị.
- Đối với các khu công nghiệp trong vùng phục vụ đã có đơn vị cấp nước tập trung, có nhà máy cấp nước với quy mô từ 20.000m³/ngày trở lên, đồng thời có quy hoạch nhà máy cấp nước theo Quy hoạch tỉnh thì không khuyến khích việc quy hoạch nhà máy, trạm cấp nước nội khu để cấp cho toàn bộ nhu cầu của khu công nghiệp. Chỉ tính toán, quy hoạch công suất trạm cấp nước nội khu với quy mô, tính chất dự phòng để tăng tính an toàn cấp nước.

IV. Nhiệm vụ, giải pháp

1. Nâng cao năng lực và chất lượng cấp nước

1.1. Đối với các đơn vị cấp nước đã được lựa chọn và đã ký kết Thỏa thuận vùng phục vụ cấp nước¹.

- Lập Kế hoạch phát triển cấp nước hàng năm và dài hạn (5 năm, 10 năm) đối với vùng phục vụ cấp nước mà đơn vị đã được ký kết với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Nội dung, hình thức lập và phê duyệt Kế hoạch cấp nước thực hiện theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, tiêu thụ và cung cấp nước sạch; sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định số 98/2019/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là *Nghị định chuyên ngành cấp nước*).

- Các đơn vị cấp nước rà soát công suất hiện trạng đang vận hành; công suất đang khai thác, phục vụ; công suất nhà máy theo định hướng tại Quy hoạch tỉnh. Từ đó thiết lập lộ trình đầu tư, nâng công suất nhà máy theo giai đoạn 2026-2030 và giai đoạn 2031-2035, đảm bảo bám sát theo Quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị thị và nông thôn được phê duyệt.

- Rà soát công nghệ xử lý tại các nhà máy hiện hữu, đề xuất điều chỉnh, nâng cấp dây chuyền thiết bị, công nghệ xử lý để tăng công suất, giảm tỷ lệ thất thoát nước; nghiên cứu phương án lắp đặt thêm các Module xử lý, ưu tiên giải pháp nâng công suất mà không phải điều chỉnh quy mô diện tích Nhà máy hiện hữu, nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Trường hợp phải điều chỉnh, mở rộng diện tích nhà máy theo quy chuẩn tương ứng với công suất, chủ động phối hợp với UBND cấp xã nơi có dự án để rà soát, đề xuất các nội dung điều chỉnh liên quan trong quy hoạch chung đô thị và nông thôn, đảm bảo việc thực hiện mở rộng quy mô dự án phù hợp với các cấp độ quy hoạch.

- Chủ động, định kỳ rà soát, thay thế các tuyến ống cũ, xuống cấp; đầu tư đồng hồ tổng, đồng hồ khu vực DMA. Thực hiện việc ứng dụng GIS, SCADA trong quản lý mạng lưới, kiểm soát tỷ lệ thất thoát từng khu vực cấp nước do đơn vị quản lý.

- Thực hiện số hóa công tác quản lý, vận hành: Xây dựng cơ sở dữ liệu số hóa toàn bộ mạng lưới, quản lý khách hàng. Đảm bảo 100% đơn vị cấp nước có dịch vụ thu tiền nước qua tài khoản ngân hàng, tự động báo số liệu tiêu dùng nước và các thông tin liên quan dịch vụ cấp nước tới khách hàng và cơ quan chức năng.

- Rà soát, lập biểu cập nhật thường xuyên về số khách hàng đang sử dụng nước, số hộ dân có khả năng đấu nối cấp nước trong vùng phục vụ. Các biểu số liệu được lập cho từng đơn vị hành chính cấp xã trong vùng phục vụ của đơn vị.

- Các đơn vị cấp nước thực hiện lập bản đồ phân vùng cấp nước chi tiết đến địa bàn các tổ, xóm thuộc đơn vị hành chính cấp xã và các khu công nghiệp,

¹ Các đơn vị cấp nước hiện nay trên địa bàn tỉnh đã được lựa chọn và ký Thỏa thuận dịch vụ gồm: Công ty Cổ phần nước sạch Thái Nguyên; Công ty Cổ phần cấp, thoát nước Bắc Kạn; Công ty Cổ phần nước sạch Yên Bình; Công ty TNHH cấp nước Phú Bình; Công ty TNHH Thương mại Thành Hiệu.

cụm công nghiệp, khu chức năng trong vùng cấp nước được thỏa thuận. Có cam kết lộ trình, tiến độ đầu nối cho các hộ dân và doanh nghiệp trong vùng phục vụ cấp nước khi có nhu cầu sử dụng.

- Công khai các thông tin về chi phí (nếu có) khi thực hiện đầu nối cấp nước; cơ sở pháp lý của việc xây dựng biểu chi phí phục vụ việc thỏa thuận với khách hàng khi ký hợp đồng mở mạng sử dụng dịch vụ tương ứng với từng địa phương (xã, phường). Các nội dung về phí dịch vụ, chi phí liên quan đến thỏa thuận khi đầu nối phải được tổng hợp, báo cáo UBND xã, phường thuộc vùng cấp nước và cơ quan chuyên môn (Sở Xây dựng với cấp nước đô thị và khu công nghiệp; Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với nước sạch nông thôn) định kỳ trước ngày 25/12 hằng năm.

1.2. Đối với các cơ quan chuyên môn

- Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành, địa phương tham mưu việc thực hiện phương án quy hoạch cấp nước đô thị, khu công nghiệp theo quy hoạch tỉnh nhằm hoàn thiện, mở rộng mạng lưới cấp nước, nâng cao năng lực và an toàn cấp nước; đảm bảo tỷ lệ người dân đô thị được sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung tương ứng với loại đô thị hoặc loại đơn vị hành chính; rà soát các thỏa thuận dịch vụ cấp nước theo lĩnh vực chuyên ngành để tham mưu UBND ký mới hoặc ký điều chỉnh thỏa thuận dịch vụ cấp nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh theo quy định.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì phối hợp với các đơn vị, địa phương có liên quan rà soát về nguồn nước sử dụng cho các dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước; rà soát các thỏa thuận dịch vụ cấp nước theo lĩnh vực chuyên ngành để tham mưu UBND ký mới hoặc ký điều chỉnh thỏa thuận dịch vụ cấp nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh theo quy định.

- Sở Y tế chủ trì, tham mưu UBND tỉnh các nội dung liên quan đến xây dựng, ban hành tiêu chuẩn địa phương về chất lượng nước dùng trong sinh hoạt; phối hợp với cơ quan chuyên môn về cấp nước để tăng cường hoạt động giám sát, kiểm tra về chất lượng nước sạch do các đơn vị cấp nước sản xuất, phân phối.

- Sở Tài chính chủ trì tham mưu bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước để thực hiện các dự án cấp nước thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách; hướng dẫn cơ chế tài chính đối với các công trình cấp nước; phối hợp tham mưu chính sách ưu đãi đầu tư dự án cấp nước; tham mưu cơ chế hỗ trợ đầu tư cấp nước khu vực khó khăn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo chức năng, nhiệm vụ.

- Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh:

- + Phối hợp với các đơn vị cấp nước xây dựng phương án cấp nước cho các khu công nghiệp, bảo đảm cấp nước an toàn cho hoạt động sản xuất công nghiệp.

+ Rà soát nhu cầu sử dụng nước của từng khu công nghiệp nhằm hạn chế đầu tư phân tán các trạm cấp nước nội khu khi đã có hệ thống cấp nước tập trung đủ năng lực.

1.3. Đối với UBND các xã, phường

- Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước, phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước khi công trình cấp nước có phạm vi cấp nước nằm trên địa giới hành chính của 01 đơn vị hành chính cấp xã theo quy định tại Điều 19, Nghị định số 140/2025/NĐ-CP.

- Trên cơ sở vùng phục vụ cấp nước của các đơn vị cấp nước, số liệu báo cáo về khả năng đầu nối cấp nước đến các hộ dân thuộc địa bàn đơn vị hành chính, UBND các xã, phường giám sát, đánh giá việc sẵn sàng đầu nối của đơn vị cấp nước. Trường hợp đơn vị cấp nước không đáp ứng yêu cầu về đầu nối cấp nước theo thỏa thuận vùng phục vụ đã ký, không đảm bảo các trách nhiệm khác của đơn vị cấp nước, chất lượng nước sinh hoạt có kiến nghị, phản ánh của người dân thì UBND các xã, phường tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh (đồng gửi cơ quan chuyên môn về cấp nước) để kiến nghị, đề xuất hướng xử lý, khắc phục.

- Chủ động đề xuất các dự án cấp nước trên địa bàn đã được xác định theo quy hoạch tỉnh để báo cáo, đề xuất UBND tỉnh lựa chọn chủ đầu tư theo hình thức đấu thầu theo quy định pháp luật chuyên ngành đối với dự án cấp nước và các quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư.

- Trên cơ sở quy hoạch đô thị và nông thôn được phê duyệt, thực hiện rà soát, đề nghị và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền yêu cầu các đơn vị cấp nước triển khai các tuyến ống truyền tải, ống phân phối theo quy hoạch (tương ứng với lộ trình thực hiện các dự án trên địa bàn xã, phường) đảm bảo đáp ứng yêu cầu đầu nối, cung cấp nước sạch đến các dự án, dân cư phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội và chính sách an sinh tại địa phương.

- Định kỳ rà soát các thỏa thuận dịch vụ cấp nước thuộc thẩm quyền ký thỏa thuận của UBND cấp xã để phối hợp cùng đơn vị cấp nước thực hiện ký mới, ký điều chỉnh thỏa thuận dịch vụ cấp nước theo quy định và thực tiễn việc quản lý, phát triển và năng lực cấp nước của đơn vị cấp nước tại địa bàn.

- Phối hợp cơ quan chuyên môn về cấp nước rà soát các chi phí phát sinh phục vụ việc thỏa thuận của đơn vị cấp nước với khách hàng khi ký hợp đồng mở mạng sử dụng dịch vụ tương ứng địa phương mình quản lý. Đề xuất, kiến nghị các nội dung liên quan phù hợp với đặc điểm, tình hình cấp nước, sử dụng nước tại địa phương đảm bảo định hướng tăng tỷ lệ người dân sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung hàng năm và theo giai đoạn.

- Phối hợp với đơn vị cấp nước trong việc bảo vệ an toàn hệ thống cấp nước; nguồn nước; tiếp nhận, xử lý kịp thời các phản ánh về hành vi phá hoại công trình cấp nước, gây ô nhiễm nguồn nước theo quy định pháp luật.

2. Nâng cao tính liên kết vùng của hoạt động cấp nước và bảo đảm cấp nước an toàn

- Trên cơ sở vùng phục vụ đã được ký thỏa thuận, phương án cấp nước trong quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung đô thị được duyệt, các đơn vị cấp nước nghiên cứu, đề xuất vào Kế hoạch phát triển cấp nước hằng năm của đơn vị và thực hiện đầu tư các tuyến ống truyền tải liên vùng (liên xã phường hoặc nhiều xã, phường) để đảm bảo các khu vực cấp nước được cấp từ tối thiểu 02 nguồn trở lên. Để từng bước tăng mức độ an toàn cấp nước, lưu ý đối với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp có nhiều nhà máy, xí nghiệp sản xuất.

- Các đơn vị cấp nước tập trung nguồn lực, mở rộng mạng lưới dịch vụ, kéo dài tuyến ống đến các khu vực vùng ven đô thị và các khu tái định cư, khu dân cư mới hình thành, xa trung tâm.

3. Thu hút đầu tư, huy động nguồn lực và cơ chế ưu đãi

3.1. Thu hút đầu tư

- Trên cơ sở Quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và nông thôn được duyệt, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng thông tin dự án cụ thể, đầy đủ để thông tin, thu hút đầu tư theo hình thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, gồm:

(1) Công khai Danh mục dự án: Căn cứ vào phương án cấp nước trong Quy hoạch tỉnh được duyệt, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường công bố công khai danh mục các dự án cấp nước (xây mới hoặc nâng công suất) cần thu hút đầu tư.

(2) Xác định vùng phục vụ: Thông tin về dự án phải đảm bảo theo quy định Luật Đầu tư và nội dung về nguồn nước thô dự kiến, dự kiến vùng phục vụ cấp nước, các yêu cầu về công suất nhà máy theo từng giai đoạn; yêu cầu cụ thể về mạng lưới tuyến ống; các khách hàng lớn trong vùng phục vụ, nhu cầu cấp nước dân sinh,... đảm bảo hiệu quả kinh tế - xã hội, khả năng thu hồi vốn.

- Khuyến khích các đơn vị cấp nước hiện hữu có năng lực và chất lượng dịch vụ cấp nước tốt, sẵn sàng đầu nối được liên doanh, liên kết để tiếp tục thực hiện các dự án quy mô lớn, liên vùng hoặc dự án mới trong vùng cấp nước đã ký.

- Nghiên cứu rút ngắn 30-40% thời gian thực hiện các thủ tục về đầu tư, xây dựng, cấp phép thi công cho các dự án, công trình cấp nước ưu tiên.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường lập “*Sổ tay hướng dẫn đầu tư đối với dự án cấp nước*” trong đó quy định rõ các bước từ đăng ký nhu cầu, thông tin dự án, thủ tục trình tự về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo pháp luật chuyên ngành, thẩm định công nghệ, thủ tục về đất đai, xây dựng,...

3.2. Cơ chế ưu đãi cho dự án cấp nước

- Ưu đãi về tiếp cận đất đai: UBND các xã, phường; Trung tâm phát triển Quỹ đất tỉnh; các Sở, ngành liên quan hỗ trợ tối đa công tác giải bồi thường, phóng mặt bằng cho các dự án nhà máy nước và các trạm bơm chuyên bậc, trạm bơm nước thô. Áp dụng chính sách miễn, giảm tiền thuê đất đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy định hiện hành.

- Xây dựng lộ trình điều chỉnh giá nước sạch phù hợp với thực tế đầu tư và chi phí vận hành, đảm bảo mức lợi nhuận hợp lý cho nhà đầu tư để đảm bảo hiệu quả dự án.

4. Truyền thông về sử dụng nước sạch và phát triển hệ thống cấp nước

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của người dân về vai trò, ý nghĩa của nước sạch đối với sức khỏe cộng đồng, phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường; từng bước thay đổi thói quen sử dụng nước chưa đảm bảo vệ sinh sang sử dụng nước sạch đạt chuẩn theo quy định (đặc biệt là nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung).

- Tăng cường tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, vận hành công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung nhằm nâng cao năng lực quản lý kỹ thuật, vận hành, bảo trì, kiểm soát chất lượng nước và xử lý sự cố trong quá trình khai thác công trình.

5. Danh mục các dự án cấp nước ưu tiên giai đoạn 2026-2030

Danh mục các dự án cấp nước ưu tiên thu hút đầu tư, triển khai thực hiện trong giai đoạn 2026-2030 chi tiết tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này

Trên đây là nội dung Kế hoạch nâng cao năng lực cấp nước và phát triển, hoàn thiện mạng lưới cấp nước đô thị, khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026-2030. Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các xã, phường tập trung tổ chức thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương thông tin về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
 - Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
 - Đảng ủy UBND tỉnh (b/c);
 - Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
 - Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
 - UBND các xã, phường;
 - Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
 - Trung tâm Thông tin tỉnh;
 - Lưu: VT, TH, CNN&XD.
- Huannv.kh/2026

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Linh

Phụ lục: Danh mục các dự án cấp nước ưu tiên giai đoạn 2026-2030
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /8/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên công trình, dự án/Nhà máy	Địa điểm	Dự kiến phân vùng phục vụ	Đơn vị tính	Quy mô, công suất quy hoạch đến 2030	Sơ bộ Tổng mức đầu tư (đồng)
1	Nhà máy nước Yên Bình 2	Xã Đại Phúc	Phường Phúc Thuận, xã Đại Phúc	m ³ /ngày	54.000	265.086.000.000
2	Nhà máy nước Tân Thái	Xã Đại Phúc	Xã Đại Phúc, xã Đại Từ	m ³ /ngày	35.000	172.970.000.000
3	Nhà máy nước Sông Công 2	Phường Bách Quang	Các phường: Bách Quang, Sông Công, Bá Xuyên	m ³ /ngày	50.000	245.450.000.000
4	Nhà máy nước Sông Công 3	Xã Tân Cương	Xã Tân Cương	m ³ /ngày	8.500	42.007.000.000
5	Nhà máy nước Phú Bình 1	Xã Tân Khánh, xã Phú Bình	Các xã: Phú Bình, Tân Khánh, Tân Thành	m ³ /ngày	50.000	245.450.000.000
6	Nhà máy nước Phở Yên	Phường Phúc Thuận	Phường Phúc Thuận, phường Phở Yên và xã Thành Công	m ³ /ngày	50.000	245.450.000.000
7	Nhà máy nước Linh Sơn	Phường Linh Sơn	Phường Linh Sơn; các xã: Nam Hòa, Trại Cau	m ³ /ngày	20.000	98.840.000.000
8	Nhà máy nước Đồng Hỷ	Xã Đồng Hỷ	Các xã: Đồng Hỷ, Vô Tranh, Văn Hân	m ³ /ngày	35.000	172.970.000.000
9	Nhà máy nước KCN Thanh Bình	Xã Thanh Thịnh	Xã Thanh Thịnh	m ³ /ngày	13.000	64.246.000.000
10	Nhà máy nước ĐT Khang Ninh	Xã Ba Bể	Xã Ba Bể	m ³ /ngày	1.400	6.918.800.000

11	Nhà máy nước Cổ Linh	Xã Cao Minh	Xã Cao Minh	m ³ /ngày	1.000	4.942.000.000
12	Nhà máy nước Đồn Đền	Xã Ba Bể	Xã Ba Bể	m ³ /ngày	1.200	5.930.400.000
13	Nhà máy nước Bình Trung	Xã Nghĩa Tá	Xã Nghĩa Tá	m ³ /ngày	1.200	5.930.400.000
14	Nhà máy cấp nước tại KCN Chợ Mới 4	Xã Thanh Mai	Xã Thanh Mai	m ³ /ngày	11.000	54.362.000.000
15	Nhà máy cấp nước Quảng Chu	Xã Chợ Mới	Xã Chợ Mới	m ³ /ngày	25.000	123.550.000.000

Ghi chú:

- Sơ bộ tổng mức đầu tư được lập trên cơ sở quy mô công suất của nhà máy cấp nước (Suất vốn đầu tư xây dựng công trình nhà máy cấp nước chưa tính đến các chi phí xây dựng các công trình khác phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của nhà máy nhưng nằm ngoài khu vực của nhà máy như công trình thu và trạm bơm nước thô, đường ống dẫn nước thô, trạm điện cao thế và các công trình phụ trợ phục vụ thi công nhà máy như xây dựng đường công vụ,...).

- Giá trị cụ thể sẽ được xác định tại bước chấp thuận chủ trương đầu tư dự án và các bước tiếp theo trên cơ sở quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Dự kiến phân vùng phục vụ sơ bộ đánh giá, xác định vùng phục vụ chính của dự án. Cụ thể về vùng phục vụ, mạng lưới cấp nước từ dự án sẽ được xác định cụ thể hơn ở các bước nghiên cứu sau.